

Hướng dẫn soạn bài Đại từ Sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 7 tập 1 được trình bày ngắn gọn, chi tiết nhất dưới đây để các em hiểu rõ hơn về bài học này, từ đó chuẩn bị tốt cho tiết học tới.

Phần I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Đại từ là gì?

Đọc những câu dưới đây, chú ý các từ in đậm và trả lời câu hỏi.

(1) Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa.

(Khánh Hoài)

(2) Chợt con gà trống ở phía sau bếp nổi gáy. Tôi biết đó là con gà của anh Bốn Linh. Tiếng nó đồng đặc nhất xóm.

(Võ Quảng)

(3) Mẹ tôi, giọng khản đặc, từ trong màn nói vọng ra:

- Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi.

(Khánh Hoài)

(d)

Nước	non	lặn	đận	một	minh,		
Thân	cò	lên	thác	xuống	ghènh	bấy	ngày.
Ai	làm	cho	bể	kia	đây,		

Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?

(Ca dao)

1. Từ nó ở trong đoạn văn đầu trỏ ai? Từ nó trong đoạn văn thứ hai trỏ con vật gì? Nhờ đâu em biết được nghĩa của hai từ nó trong hai đoạn văn ấy?

Gợi ý: Nó trong đoạn văn (1) trỏ em tôi còn nó trong đoạn văn (2) trỏ con gà của anh Bốn Linh. Để biết được nghĩa của các từ nó này, người ta phải căn cứ vào ngữ cảnh nói, căn cứ vào các câu đứng trước hoặc sau câu có chứa từ này.

2. Từ thế trong đoạn văn sau đây trỏ sự việc gì? Nhờ đâu mà em hiểu được nghĩa của từ thế trong đoạn văn này.

Gợi ý: Từ thế ở đây trả cái gì? Muốn biết điều này, hãy xác định "Vừa nghe thấy thế" là vừa nghe thấy gì?

3. Từ ai trong bài ca dao dùng để làm gì?

Gợi ý: Muốn xác định được ai trong bài ca dao trên được dùng để làm gì, trước hết phải xác định câu "Ai làm cho bể kia đầy, Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?" có mục đích gì, để kể, để tả hay để hỏi? Câu ca dao này dùng với mục đích hỏi, từ ai trong trường hợp này được dùng để hỏi.

4. Các từ nó, thế, ai trong các đoạn văn trên giữ chức vụ ngữ pháp gì trong câu?

Gợi ý: Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu có đại từ. Nếu đại từ không làm chủ ngữ hay vị ngữ thì xác định xem nó làm phụ ngữ cho từ nào, nằm trong cụm từ nào?

Từ nó trong đoạn văn (1), ai trong bài ca dao làm chủ ngữ; nó trong đoạn văn (2) làm phụ ngữ cho danh từ, thế làm phụ ngữ cho động từ.

2. Phân loại đại từ

a) Đại từ để trả

Trong các nhóm đại từ sau đây, nhóm nào dùng để trả người, sự vật; nhóm nào trả số lượng; nhóm nào chỉ hoạt động, tính chất, sự việc?

(1) - tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao, chúng tớ, mày, chúng mày, nó, hấn, chúng nó, họ, ...

(2) - bấy, bấy nhiêu

(3) - vậy, thế

Gợi ý: Nhóm thứ nhất trả người, vật; nhóm thứ hai trả số lượng; nhóm thứ ba trả hoạt động, tính chất, sự việc. Đây cũng là ba loại đại từ để trả.

b) Đại từ để hỏi

Trong các nhóm đại từ để hỏi sau đây, nhóm nào hỏi về người, vật; nhóm nào hỏi về số lượng; nhóm nào hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc?

(1) - ai, gì, ...

(2) - bao nhiêu, mấy

(3) - sao, thế nào

Gợi ý: Tương ứng với ba nhóm đại từ để trả, đại từ để hỏi cũng được chia thành ba loại: đại từ để hỏi về người, vật; đại từ để hỏi về số lượng; đại từ để hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

Phần II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG**Soạn Bài 1 trang 56 sgk ngữ văn 7 tập 1**

a) Xếp các đại từ đã nhắc đến ở mục trên vào bảng dưới đây:

Số ngôi Số ít Số nhiều

1

2

3

Gợi ý:

Đại từ trỏ người, vật ngôi thứ nhất là các từ trỏ bản thân người, vật (tôi, tao, tớ,...); ngôi thứ hai là trỏ người, vật là đối tượng trực tiếp đối diện với người nói (mày,...); ngôi thứ ba trỏ đối tượng gián tiếp nói đến trong lời (nó, hắn,...). Tương ứng, có đại từ ngôi thứ nhất số nhiều (chúng tôi, chúng tao, chúng tớ,...), ngôi thứ hai số nhiều (chúng mày,...), ngôi thứ ba số nhiều (chúng nó, họ,...).

b) So sánh nghĩa của đại từ mình trong các câu sau:

a) Cậu giúp đỡ mình với nhé!

b)

Mình về có nhớ ta chẳng,
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

(Ca dao)

Gợi ý: Mình trong câu (a) trỏ bản thân người nói (viết), thuộc ngôi thứ nhất số ít; mình trong hai câu ca dao trỏ người nghe (đọc), thuộc ngôi thứ hai.

Soạn Bài 2 trang 56 sgk ngữ văn lớp 7 tập 1

Tìm một số ví dụ về trường hợp các danh từ chỉ người như: ông, bà, cha, mẹ, chú, bác, cô, dì, cháu, con,...được sử dụng như đại từ xưng hô.

Gợi ý:

Tham khảo các ví dụ sau:

- Cháu chào bác ạ!
- Cháu mời ông bà xơi cơm.

- Anh cho em hỏi bài toán này nhé!
- Hôm nay, mẹ có đi làm không?
- Cô chờ ai đấy?

Soạn ngữ văn 7 tập 1 Bài 3 trang 56 sgk

Nhận xét về nghĩa của các đại từ sau đây, chúng có trở một đối tượng cụ thể nào không?

a) Hôm nay ở nhà, ai cũng vui.

b)

Qua đình ngà nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.

(Ca dao)

c) Thế nào anh cũng đến nhé.

Gợi ý:

Các đại từ trên được dùng để trỏ chung.

* Đặt câu với các từ ai, sao, bao nhiêu với nghĩa trỏ chung.

Gợi ý: Dựa vào các trường hợp sử dụng đại từ trỏ chung ở các câu trên. Lưu ý, các đại từ trỏ chung không biểu thị riêng một đối tượng nào cả, chẳng hạn:

- Ai mà chẳng thích được ngợi khen.
- Làm sao mà tôi biết được bạn đang nghĩ gì.
- Ta quý mến bạn bao nhiêu bạn sẽ quý mến ta bấy nhiêu.

Soạn Bài 4 trang 56 sgk ngữ văn 7 tập 1

Với các bạn cùng lớp, cùng tuổi, nên dùng các từ xưng hô như: tôi, bạn, mình,... để xưng hô cho lịch sự. Hiện tượng xưng hô thiếu lịch sự hiện vẫn còn khá phổ biến ở trường và ở lớp. Với những trường hợp ấy cần góp ý để các bạn xưng hô với nhau một cách lịch sự hơn.

Soạn Bài 5 ngữ văn 7 tập 1 trang 56 sgk

Hãy so sánh giữa từ xưng hô tiếng Việt và đại từ xưng hô trong các ngoại ngữ mà em được học để thấy sự khác nhau về số lượng và ý nghĩa biểu cảm.

Gợi ý:

Đại từ xưng hô trong một số ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc ít hơn trong tiếng Việt. Nếu xét về ý nghĩa biểu cảm thì các đại từ xưng hô trong các ngôn ngữ ấy nhìn chung không mang nghĩa biểu cảm.